

BIỂU TƯỢNG TRONG LỄ CƯỚI CỦA NGƯỜI HOA (NHÓM NGÔN NGỮ QUẢNG ĐÔNG) Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Trần Hạnh Minh Phương
Trường Đại học Thủ Dầu Một

TÓM TẮT

Mục đích chính của lễ cưới là kết hợp hai người nam và nữ thành một gia đình hòa hợp, sinh con nối dõi tông đường, làm rạng danh dòng họ, thực hiện chữ hiếu đối với tổ tiên, ông bà cha mẹ. Vậy nên trong lễ cưới, người Hoa sử dụng nhiều biểu tượng thể hiện ước mong cuộc hôn nhân bền chặt, sinh được nhiều con cái, nhất là con trai, gia đình làm ăn phát đạt để nối dài dòng họ, mối quan hệ thông gia ngày càng gắn bó.

Vận dụng khái niệm và phương pháp phân tích biểu tượng trong nghi lễ của Victor Turner cùng hướng tiếp cận đa thanh của hậu hiện đại và dựa trên cơ sở nguồn tư liệu thực tế thu thập được từ 20 cuộc phỏng vấn sâu và tham dự 10 lễ cưới của người Hoa của tác giả, bài viết này đề cập và lí giải về một số biểu tượng phổ biến trong lễ cưới của người Hoa Quảng Đông ở Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay.

Từ khóa: biểu tượng, hôn nhân, cô dâu, chú rể

*

Trong số hơn nửa triệu người Hoa gồm 5 nhóm ngôn ngữ Quảng Đông, Triều Châu, Hải Nam, Hẹ, Phúc Kiến ở thành phố Hồ Chí Minh thì có một nửa là người Quảng Đông. Họ đến đây từ cuối thế kỉ XVII, tập trung chủ yếu ở các quận 5, 6, 10 và 11. Đã có nhiều công trình nghiên cứu về văn hóa, xã hội, kinh tế,... của người Hoa. Tuy vậy, về biểu tượng trong lễ cưới của người Hoa thì chưa có công trình nào đề cập và bài viết này được thực hiện từ tư liệu phỏng vấn sâu 20 người ở lứa tuổi trung niên, am hiểu về phong tục tập quán dân tộc và khảo sát 10 lễ cưới của người Hoa nhóm Quảng Đông ở thành phố Hồ Chí Minh.

Biểu tượng là những sự vật, hành động, các mối quan hệ, hiện tượng, điệu bộ và những đơn vị không gian trong một tình

huống cụ thể. Cấu trúc và thuộc tính của biểu tượng có được qua hình thái bên ngoài và những tính chất có thể quan sát được, sự giải thích được cung cấp bởi những chuyên gia thực hành tôn giáo và thường dân, những bối cảnh quan trọng mà các nhà nhân học tiến hành nghiên cứu [20: 19, 20]. Theo đó, biểu tượng trong lễ cưới của người Hoa là những lễ vật trên bàn thờ tổ tiên, bàn thiên, sinh lễ nhà trai mang sang nhà gái, những nghi thức, hành vi thể hiện lòng sùng kính tổ tiên, ông bà, bố mẹ, sự kết hợp và tăng cường mối liên kết của hai dòng họ, hai cá nhân (vợ - chồng), thể hiện mong muốn một gia đình hạnh phúc, mang đến nhiều điềm tốt khích lệ sự sinh sản và thịnh vượng đảm bảo sự kế thừa của hậu thế [9]. Trong giới hạn nhất định, bài viết

này đề cập và lí giải một số biểu tượng phổ biến thể hiện những ước vọng tốt đẹp trong hôn lễ của nhóm người Hoa Quảng Đông.

1. Biểu tượng biểu trưng hai nhân vật chính trong lễ cưới: cô dâu, chú rể

Rồng, Phượng là biểu tượng rất cao quý nằm trong bộ Tứ Linh. Rồng tiêu biểu cho dương - người nam - chồng và phượng là biểu trưng cho âm - người nữ - vợ. Rồng và Phượng ở bên nhau tượng trưng cho sự hòa hợp âm dương - thể hiện ước mong về một cuộc hôn nhân hòa hợp, hạnh phúc, gia đình thịnh vượng. Trong lễ cưới, hình ảnh rồng - phượng biểu trưng cho hai nhân vật chính: cô dâu - chú rể. Đây là đề tài trang trí phổ biến trên trang phục cô dâu, chú rể; trên bàn thờ gia tiên; thân đèn cây (đèn long - phụng); bánh cưới; trên tường nhà, phòng tân hôn...

Đặc biệt, xung quanh đôi nến long - phụng, người Hoa có nhiều quan niệm. Do vậy, thường khi lên đèn (đốt đèn), người ta cố gắng giữ cho hai cây cháy đều nhau với mong muốn đôi vợ chồng bên nhau đến “răng long, đầu bạc”, vợ chồng chung sống bình đẳng, tôn trọng nhau.

Mẫu tự Song - Hỷ thường bằng giấy màu đỏ, tượng trưng cho hạnh phúc được nhân đôi, là biểu tượng phổ biến nhất trong lễ cưới. Mẫu tự này được ghép lại từ hai chữ *hsi* hoặc *xi* (tiếng phổ thông đọc là *shuang-hsi*), là mẫu tự đặc biệt được dùng chỉ vợ chồng hạnh phúc, thường không sử dụng trong văn viết. Đối với những đôi vợ chồng có “tuổi không hợp nhau” thì biểu tượng Song Hỷ còn có ý nghĩa giảm bớt sự xung khắc giữa họ. Trong lễ cưới, có thể bắt gặp chữ song hỷ được trang trí ở nhiều nơi:

tường nhà, cửa nhà, bàn thờ, lễ vật, va li đựng quần áo của cô dâu, khăn trải bàn, thiệp cưới,... cho ta một cảm nhận về niềm hạnh phúc tràn đầy, mọi người đang sống trong không gian hạnh phúc viên mãn.

Theo nghi thức có từ đời Đường và đến đời Tống thì thịnh hành, hiện nay có một số gia đình còn thực hiện: đêm động phòng hoa chúc, chú rể sẽ ngồi phía bên trái cô dâu, người chủ trì (một phụ nữ trung tuổi có phúc khí tốt) và một đôi nam nữ trẻ (đại diện cho người đưa dâu và người đón dâu) đứng đối diện với đôi vợ chồng trẻ, hai cốc rượu được rót đầy (thường là rượu Chạm Hoa, có chỉ màu thắt thành nút đồng tâm nối hai cốc rượu lại với nhau). Đôi vợ chồng trẻ sẽ uống một ít rượu trong hai lí này trong tư thế ngoặc hai cánh tay lại với nhau, biểu thị sự gắn bó lâu dài. Rượu còn thừa sẽ được đổ lẫn vào nhau rồi phân thành hai cốc, ngụ ý “trong anh có em, trong em có anh”.

Trong số lễ vật nhà trai mang sang nhà gái và những thứ đặt trong phòng tân hôn không thể thiếu cặp củ sen, biểu tượng cho sự gắn bó keo sơn, lòng thủy chung son sắc của tình nghĩa vợ chồng. Mong muốn đôi vợ chồng sống thủy chung đến trọn đời còn biểu hiện qua hai câu nói trong nghi thức chải đầu cho cô dâu, chú rể vào đêm trước ngày rước dâu: “Chải cái thứ nhất chúc cho đôi vợ chồng sống thủy chung, chải cái thứ hai chúc hai vợ chồng sống đến răng long đầu bạc”.

Cuộc sống của đôi vợ chồng trẻ sẽ không tránh khỏi những khó khăn, vất vả, nhưng điều quan trọng là biết đồng cam cộng khổ để gia đình vượt qua sóng gió đến

bến bờ hạnh phúc “thuận vợ, thuận chồng tát bể đông cũng cạn”. Ở một số gia đình còn ông bà giữ tục xưa: cho đôi vợ chồng trẻ cùng ăn hết một con gà trong phòng tân hôn (trước khi động phòng), xương gà gói lại để đầu giường với ý nghĩa, hai vợ chồng sống gắn bó với nhau, sung sướng cùng hưởng, đắng cay cùng chia.

Nghi thức bái đường trước bàn thờ tổ tiên là không gian và thời gian thiêng liêng nhất của lễ cưới. Trước sự chứng kiến của tổ tiên, ông bà, cha mẹ, họ hàng, anh em, hai vợ chồng giao bái, người này đeo nhẫn cho người kia làm bằng chứng cho tình yêu và lòng chung thủy. Đây là thời khắc khó quên nhất trong đời người, đánh dấu bước ngoặt lớn trong cuộc sống. Bởi lẽ, cặp nhẫn là biểu tượng của sự kết hôn, từ đây, mỗi người phải từ bỏ cái riêng tư của bản thân để hòa vào nhau, hai người như một thì cuộc sống hôn nhân mới bền chặt. Chỉ sau khi thực hiện nghi thức bái đường, đôi nam nữ mới chính thức được dòng họ công nhận là vợ chồng.

Mong muốn một gia đình hạnh phúc, có cuộc sống sung túc, làm ăn phát đạt thể hiện rõ nét qua việc chọn lễ vật có tên gọi với từ đồng âm mang ý nghĩa tốt đẹp làm thức cúng tại nhà mình cũng như sinh lễ nhà trai đưa sang nhà gái: mực (mòyú – có dư), hào khô (háogàn – hảo sự, việc tốt), tôm khô (xiāmī – vui vẻ), nấm đông cô (dōnggū – vạn sự thành), tóc tiên (fácài – phát tài), táo đỏ (hóngzào – may mắn), bách hợp (bǎihé – hòa hợp)... Mặt khác, với quan niệm “đông thành tây tụ”, tất cả lễ vật đều đủ đôi, ngụ ý đôi nam nữ làm gì cũng có đôi.

Trong ngày đón dâu, nhà trai bày bàn thiên ngay cửa nhà cúng đất trời với các lễ vật: năm loại bánh (mỗi loại bánh đều

mang một ý nghĩa khác nhau thông qua hình thái bên ngoài): *lùng phùng bền* – bánh có hình rồng, phượng, biểu tượng hai nhân vật chính trong lễ cưới là cô dâu và chú rể; *bánh cáy tan cú* hình tròn bằng bột mì nén chặt, cứng – thể hiện sự bền chặt của tình vợ chồng; *bánh hạp thù su* có bột nổi xốp, nở bung to – biểu tượng sự thịnh vượng, phát triển; *bánh wong linh* có nhân bách thảo – biểu tượng vạn sự như ý; *bánh hùng linh* nhân đậu xanh, bên ngoài có lớp vỏ mỏng – biểu tượng sự hoà hợp của hai vợ chồng; ba chén chè trôi nước, viên chè tròn trịa, trơn tru, nhẵn mịn – biểu trưng sự viên mãn; *quýt* (đồng âm với cát tường – tốt); *bao lì xì* màu đỏ đặt trên mỗi đĩa lễ vật – biểu tượng sự may mắn, vui vẻ, hạnh phúc; sáu loại giấy lục hạp kim ngọc măng đường, cửu long y, quý nhân, thọ kim, 6 miếng giấy màu vàng ánh – biểu tượng vào nhà gặp điều tốt, trường thọ...

Trong một đám cưới của người Hoa, màu đỏ là màu chủ đạo từ trang phục cô dâu, chú rể, trang trí nhà cửa đến giấy gói lễ vật, quà tặng,... thể hiện ước mong cuộc sống tràn ngập niềm vui, hạnh phúc và thịnh vượng.

Số tiền bạn bè cô dâu yêu cầu chú rể phải lì xì khi đến rước dâu (tục chặn cửa) luôn là con số 9 với ý nghĩa trường cửu, tức trường thọ (người Quảng Đông phát âm số 9 (cửu) đồng âm với từ cửu là vĩnh cửu, lâu dài).

2. Biểu tượng thể hiện mong muốn đôi vợ chồng trẻ sinh được nhiều con, nhất là con trai để nối dõi tông đường.

Một chức năng quan trọng của hôn nhân là sinh con nối dõi tông đường bởi đó không chỉ là trách nhiệm và còn là chữ hiếu của con cái đối với cha mẹ, tổ tiên.

Theo *Kinh thi*, chữ hiếu có ba hàm nghĩa: sinh con đẻ cái, kế thừa tổ nghiệp, lấy việc nối dõi tông đường làm điều tốt để thực hành, cầu xin tổ tiên con cháu đầy đàn tế tự tổ tiên. Sách *Kinh Dịch* viết “Đạo đức lớn nhất của trời đất là sinh sôi”. Trời đất khiến vạn vật hóa sinh, còn nam nữ thành vợ thành chồng hợp lại mới có con cái, có con cái cha mẹ mới là đối tượng để con cháu báo hiếu. “Có con, vạn sự đủ”, “có ba loại bất hiếu, vô hậu bất hiếu nhất. Do sự chi phối của quan niệm này nên sinh con là nghĩa vụ và niềm vui lớn nhất của con người” [6: 234-237].

Từ quan niệm trên, biểu tượng cầu tự chiếm một vị trí quan trọng trong lễ cưới của người Hoa. Họ thường dùng từ đồng âm hay hình thái bên ngoài của vật thể để bày tỏ mong muốn đôi vợ chồng trẻ sinh được nhiều con, nhất là con trai. Tiêu biểu là hạt sen và trái lựu. Hạt sen (lian zi) đồng âm với liên tử - hàm ý “liên niên sinh quý tử”. Người ta còn đặt hạt sen ở bốn góc vali quần áo của cô dâu mang về nhà chồng; rải hạt sen trên giường tân hôn. Lúc rót trà mời ông bà, bố mẹ, họ hàng, anh em trong nghi thức bái đường, cô dâu, chú rể mời mút hạt sen để những người được mời nói hai chữ liên tử ngụ ý chúc cho đôi vợ chồng mới cưới sinh được nhiều con. Quả lựu có nhiều hạt, tượng trưng cho sự đông con cái – Lựu khai bách tử 榴開百子 (quả lựu mở sinh trăm con) dưới dạng bức tranh ông lão cầm quả lựu bóc dở, trông thấy hạt...

Đêm tân hôn, gia chủ nhờ một người đàn ông hay phụ nữ có gia đình hạnh phúc, đông con sắp đặt giường ngủ cho đôi vợ

chồng trẻ. Người nhà chú rể chọn một bé trai khôi ngô dưới năm tuổi nhảy, lăn trên giường với mong muốn đôi vợ chồng trẻ sinh được bé trai đầu lòng thông minh và khỏe mạnh. Ngày nay, việc sinh con trai đầu không quá quan trọng như xưa, nhưng trong số mười người đàn ông được phỏng vấn có bảy người vẫn cho rằng có trai đầu lòng vẫn vui hơn con gái cho dù con nào cũng thương yêu.

3. Biểu tượng biểu trưng sự trưởng thành của người con trai và con gái kể từ khi kết hôn

Cô dâu và chú rể phải trải qua nghi thức chải đầu trong đêm trước ngày đón dâu để được cộng đồng thừa nhận là người trưởng thành, đủ tư cách để “thành thân”, làm chủ gia đình riêng. Nhà trai và nhà gái chọn giờ tốt thực hiện nghi thức chải đầu cho cô dâu và chú rể cùng một thời điểm (trường hợp đều là người Quảng Đông). Nếu còn đủ bố mẹ thì người mẹ sẽ chải đầu cho con; nếu bố mẹ đã mất thì nhờ một phụ nữ khác có chồng, gia đình tốt đẹp, sung túc thực hiện. Cô dâu, chú rể được tắm nước lá bưởi, trang phục trắng mới – ngụ ý tẩy uế, già từ tuổi thơ, ngồi trước bàn thiên (trên có ba chén chè trôi nước – sự viên mãn, mì sơi – sự trường thọ, lá bách – hình ảnh của người trưởng thành). Sau ba lượt chải tương ứng với ba câu nói tốt đẹp, người thụ lễ ngồi yên lặng khoảng năm phút, khi cây nhang cháy hết một nửa, lạy bàn thiên ba cái, ăn hết ba chén chè với hàm ý từ nay mọi việc sẽ được viên mãn [tròn trịa như viên chè] – lễ trưởng thành kết thúc. Cô gái kẹp lá tùng bách được cột bằng sợi chỉ đỏ ngụ ý kết hôn xong, cũng có nghĩa là kể

từ giờ phút này họ đã thành người lớn. Lễ chắt đầu tức là nhập cái chuyện trưởng thành vào trong lễ cưới. Nghi thức này quan trọng đến nỗi không thể bỏ qua dù ở bất cứ hoàn cảnh nào. Những đôi không tổ chức cưới mà về sống chung, khi chết cũng phải làm lễ này.

4. Biểu tượng sự tôn kính tổ tiên, ông bà và sự chứng giám của những người đã khuất đối với sự thành thân của đôi nam – nữ

Theo nhân sinh quan của người Hoa, người chết không phải là hết mà linh hồn vẫn còn tồn tại vẫn theo dõi từng cử chỉ của con cháu trên thế gian. Linh hồn sẽ trở về ngụ nơi con cháu thờ cúng (bàn thờ). Do đó, con cháu phải dâng lên tổ tiên các vật phẩm ngon lạ với mong ước linh hồn thấy rõ tấm lòng hiếu kính, bảo hộ cho người sống được bình yên, nhiều phúc thọ [17:232].

Ngày nay, hoàn cảnh sống thay đổi, các nghi thức trong lễ cưới của người Hoa được giản lược rất nhiều, nhưng phần nghi thức kính báo tổ tiên về sự kiện quan trọng này thì không thay đổi và là phần cốt yếu trong lễ cưới. Ở nhà gái, việc bày cúng những lễ vật do nhà trai mang đến trên bàn thờ gia tiên ngụ ý thông báo với tổ tiên người con gái sẽ kết hôn. Sau đám hỏi một hai ngày, gia đình mua cho mỗi ông bà một bộ đồ (vàng mã) có ghi tên, đốt để ông bà có đồ mới mặc dự đám cưới. Trong ngày đón dâu, trước khi rời nhà mình cô dâu thắp nhang, lạy từ biệt tổ tiên về làm dâu nhà họ khác. Với nhà trai, trước khi đi đón dâu, bố chú rể đốt nhang, đèn trình báo với tổ tiên. Khi đón dâu về, bái đường là nghi thức quan trọng và thiêng liêng nhất. Chỉ sau nghi

thức này cô gái mới được dòng tộc thừa nhận là con dâu của gia đình. Nếu vì lý do gì đó, cô gái và chàng trai không động phòng nhưng đã trải qua nghi thức bái đường tức là hai người đã thành vợ chồng.

Sau khi bái đường, cô dâu được nhận bao lì xì từ trên bàn thờ với ý nghĩa đó là phúc, lộc của tổ tiên ban cho – biểu thị sự chấp nhận và chúc phúc của tổ tiên đối với thành viên mới của gia đình, họ tộc.

5. Biểu tượng cho sự liên kết hai họ tộc do quan hệ hôn nhân, biểu tượng thứ bậc của các thành viên trong dòng họ, gia đình

Sách *Lễ ký* viết “Hôn lễ là sự hòa hợp giữa hai họ...” [6:1146], hình ảnh họ của hai nhà được viết lồng vào nhau trên thiệp cưới là một minh chứng. Mức độ kết thân giữa hai gia đình cũng ảnh hưởng đến hạnh phúc của đôi vợ chồng, nên trong lễ cưới hai gia đình chú ý đến lễ thức thể hiện sự gắn kết. Nhà gái trả lại nhà trai bốn chân và đuôi con heo quay – lễ vật nhà trai mang đến trong lễ hỏi, ngụ ý nhà gái sẽ giữ mối quan hệ trước sau như một với nhà trai. Sau lễ cưới ba ngày, cô dâu trở về nhà cha mẹ ruột mang theo cặp mía (để nguyên cây), vài tán đường với ý nghĩa tình thông gia “ngọt ngào” như vị ngọt của mía, đường. Có ý kiến cho rằng, “ở Trung Hoa, hôn nhân không chỉ liên kết từng cá nhân và gia đình hạt nhân mà còn liên kết gia đình mở rộng đặc biệt là vị trí giai cấp. Đôi khi hôn nhân còn là cách duy trì và thăng tiến địa vị xã hội. Đặc biệt tầng lớp trên (quan lại, trí thức), hôn nhân có thể tạo nên sự liên kết chính trị, xã hội thông qua quan hệ thân tộc và huyết thống [11:39].

Xã hội Trung Hoa lấy tôn ti, thứ bậc làm trọng, điều này thể hiện rõ trong các nghi lễ. Hành vi mang tính biểu tượng là khi người em kết hôn trước anh, chị thì phải bước qua cái quần của anh chị treo trước cửa phòng. Bởi theo trật tự thứ bậc, em phải kết hôn sau anh, chị [5]. Trong ngày cưới của con trai, chiếc mền treo ở vị trí trung tâm là của cậu chú rể tặng (đám cưới con gái không tặng mền). Trong mối quan hệ bên họ mẹ, người cậu có vai trò quan trọng đối với cháu. Việc tặng mền biểu thị sự cầu chúc đôi vợ chồng trẻ hạnh phúc (luôn đắp chung chăn). Cấp bậc vai vế trong gia đình còn thể hiện rất rõ trong nguyên tắc cô dâu chú rể mời trà (nghi thức dâng trà): ông bà bên nội trước, bên ngoại sau; bố trước, mẹ sau; anh trai trước, chị gái sau.

6. Biểu tượng sự rời xa gia đình bố mẹ đẻ và gia nhập gia đình nhà chồng của cô dâu và những hành vi mang tính biểu tượng phòng ngừa những điều không hay xảy ra cho cô dâu, chú rể

Ngày xưa, con gái đã kết hôn không còn được tự do về nhà cha mẹ ruột nữa, khi muốn về phải đi cùng chồng con và được sự đồng ý của mẹ chồng. Ngày nay, những qui định này không còn, nhưng trong nghi thức vẫn còn một số hành vi mang ý nghĩa người con gái khi có chồng sẽ rời xa gia đình mình về sống ở nhà người. Trước ngày cưới cô dâu sẽ mang một số vật dụng cần thiết (nồi, chén, muông, đĩa, thau, cặp ghế...). Xem như đây là dịp bố mẹ bày tỏ tình thương đối với con gái, gia đình càng giàu thì số vật dụng cô dâu mang đi càng nhiều và càng có giá trị. Khi con dâu vừa bước ra cửa (lúc nhà trai đến đón dâu), mẹ cô dâu tạt một ca

nước, quăng con gà ra sân hay đến đóng cửa chính. Ngụ ý, con gái gả chồng như ca nước đổ đi không lấy lại được, người con gái từ nay sẽ mang họ chồng, không còn là thành viên của gia đình mình nữa.

Trong xã hội hiện đại, nhiều nghi thức đã được giản lược, nhưng cũng còn duy trì một số hành vi mang ý nghĩa giúp người thụ lễ tránh những điều không hay. Đó là việc bung dù che cho cô dâu đi từ nhà ra xe (ngày xưa, từ nhà ra kiệu), rải gạo trước sân nhà khi cô dâu vừa bước ra khỏi cửa với ý nghĩa giúp cô dâu tránh những điều không lành và bảo vệ khả năng sinh sản của cô dâu.

Tùy theo vận mệnh mỗi người, tuy không phổ biến, nhưng trong lễ cưới còn có một số hành vi biểu tượng khác: cô dâu mặc hai – ba quần, khi bước ra đến cửa lúc rước dâu, cởi một cái bỏ lại, như để lại ít phú quý (từ quần đồng âm với từ phú). Người nam cưới người nữ tuổi dần (cọp), khi đi rước dâu, trên đầu xe treo miếng thịt ba rọi, ngụ ý cọp đã có sẵn thịt để ăn, tránh được tai họa cọp ăn thịt người (trong gia đình). Khi đón dâu, tốt nhất là đi đường này về đường khác – không lặp lại, bỏ hết cái cũ, tránh việc con dâu có thể bỏ chồng quay lại với người tình cũ, chàng trai bỏ vợ theo người tình cũ...

Cô dâu bước vô nhà chồng không được dẫm lên ngạch cửa. Vì ngạch cửa biểu hiện cho sự thăng trầm của gia đình, nếu dẫm lên nó gia đình sẽ suy sụp, tài lộc mất đi. Khi đến ngạch cửa bà mai nói cô dâu chú rể bước bước lớn đồng nghĩa với tai qua nạn khỏi và khó khăn nào cũng vượt qua được.

Truyền thống văn hóa Trung Hoa lấy chữ hiếu làm căn bản trong ứng xử, lấy quan hệ nhân văn làm xuất phát điểm, lấy hệ thống danh phận, lễ giáo làm trung tâm. Hôn nhân là sự kiện trọng đại của đời người, ai cũng mong có một cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, gia đình sung túc, viên mãn. Do vậy, người ta sử dụng nhiều biểu

tượng để diễn đạt điều mong ước đó mà giới hạn một bài viết khó có thể đề cập hết được. Kết quả nghiên cứu cho thấy, các biểu tượng thể hiện hai xu hướng theo nghĩa tốt đẹp: một – dựa vào hình thái bên ngoài của sự vật, hai – thông qua ngôn ngữ, nhất là sử dụng từ ngữ đồng âm hay cận âm.

*

SYMBOLS IN MARRIAGE OF THE CANTON CHINESE IN HO CHI MINH CITY

Tran Hanh Minh Phuong

Thu Dau Mot University

ABSTRACT

Marriage's sole aim is to join a man and a woman in a harmonious family, bearing children that would maintain lineage, bring honour to their ancestors and be grateful to their grandparents and their parents. So, the Chinese use many symbols in marriage to convey their wishes for a long lasting relation such as having many children; especially sons for the families to be thriving and well maintained, and for the union between the two families through marriage to be more stronger and stronger.

Using Victor Tuner's concept and method of symbol analysis in rituals, in association with a post-modern multi-vocal approach, and based on fieldwork documents collected from 20 in-depth interviews together with 10 Chinese wedding ceremonies attendance records, the writer would hope to be concerned with and partly explain some common symbols in Canton Chinese marriage in Ho Chi Minh city today.

Keywords: *symbols, marriage, bride, groom*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Trần Bôi, bài phỏng vấn ngày 26-6-2010 tại Ban liên lạc cựu học sinh trường Mạch Kiếm Hùng, Nguyễn Trãi, quận 5.
- [2] Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, *Nhân học tôn giáo*, Tạp chí Xưa & Nay, NXB Đà Nẵng, 2006.
- [3] Huỳnh Cầu, bài phỏng vấn ngày 1-7-2010 tại trụ sở Ban liên lạc cựu học sinh trường Mạch Kiếm Hùng, Nguyễn Trãi, quận 5.
- [4] Chris Jochim, *Comparative Religious Studies Program*, San Jose State University, San Jose, CA.
- [5] Trần Chuyên, bài phỏng vấn ngày 27-3-2010 tại nhà số 54 Mai Xuân Thưởng, quận 6.
- [6] Đường Đắc Dương (chủ biên), *Cội nguồn văn hóa Trung Hoa*, NXB Hội nhà văn, 2003.
- [7] Nguyễn Thúy Hà, bài phỏng vấn ngày 22-3-2010 tại nhà số 23 Vạn Kiếp, quận 5.

- [8] Lý Hội, bài phỏng vấn ngày 22-3-2010 tại nhà số 297 Cao Đạt, phường 1, quận 5.
- [9] http://www.essortment.com/lifestyle/chinesewedding_sgpt.htm
- [10] J.M.de Kermadec, *Cholon ville chinoise* – Société asiatique d' Edition, 1955.
- [11] Janice E. Sockard, *Marriage in culture: Practice and meaning across diverse society*, United States: Wadsworth, 2002.
- [12] Dao Nhiều Linh (trưởng Ban Công tác người Hoa thành phố Hồ Chí Minh), bài trả lời phỏng vấn ngày 8-6-2010, tại Ban Công tác Hoa, số 108 Ngô Quyền, quận 5.
- [13] Trần Lộ Minh, bài trả lời phỏng vấn ngày 1-4-2010 tại nhà số 29/32 đường Minh Phụng, phường 2, quận 11.
- [14] Dương Đại Mỹ, bài trả lời phỏng vấn ngày 24-3-2010 tại nhà số 136 Lương Nhữ Học, phường 11, quận 5.
- [15] Ô Dân Phát, bài trả lời phỏng vấn ngày 31-3-2010 tại nhà số 226 Hòa Hảo, quận 10.
- [16] Lữ Ngân Tiêu, bài trả lời phỏng vấn ngày 1-4-2010 tại nhà số 321/5 Phạm Hữu Chí, phường 3, quận 6.
- [17] Tiêu Quần Trung (biên soạn), Lê Sơn (dịch), *Chữ hiếu trong nền văn hóa Trung Hoa*, NXB Từ điển Bách Khoa, 2006.
- [18] Tư liệu điền dã của tác giả tham dự lễ cưới Hà Cẩm Xương lúc 10 giờ ngày 29-5-2019, tại tư gia số 117/1 Lí Nam Đế, phường 7, quận 11.
- [19] Lưu Thiên Vân, bài trả lời phỏng vấn ngày 29-3-2010 tại nhà số 92 Lí Thường Kiệt, phường 7, quận 10.
- [20] Victor Turner, *The Forest of Symbols*, Cornell University Press, Ithaca and London, 1964.